

Số: **104/2026/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 422/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn K, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án tại Đội 15, phân trại số C, Trại giam Q, Cục C – Bộ C1 (xã B, tỉnh Tuyên Quang).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lê Thị T** và anh **Phạm Văn H**.
(Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 16 tháng 7 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang))

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Giao cháu Phạm Lê P, sinh ngày 03/01/2010; cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 26/10/2016 và cháu Phạm Lê V, sinh ngày 15/9/2020 cho chị Lê Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Phạm Văn H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn H đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn H đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị T phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001644, ngày 04/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Phạm Văn H không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến